TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOA LƯ** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19/7/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOA LƯ, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Khuyến
2. Ông Tạ Hữu Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quang Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 19/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 31/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/5/2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/7/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị S, sinh năm: 1980, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Q, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình, chỗ ở hiện nay: thôn Đ, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Trịnh Văn T, sinh năm 1968, trú tại: thôn Q, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

Người làm chứng: Chị Trịnh Thị Hoài P, sinh năm 1998, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Q, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình, chỗ ở hiện nay: thôn Đ, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/5/2023, trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn - chị Lê Thị S trình bày: Chị và anh Trịnh Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình vào ngày 28/6/1997. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn Q, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm. Mặt khác, anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Chị đã tha thứ và bỏ qua cho anh T nhiều lần nhưng anh T không tôn trọng chị, không quan tâm đến gia đình, thường xuyên chửi bới, đánh đập chị và các con. Chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn Đ, xã N ở. Sau đó, anh T cũng đuổi luôn cả 03 con về sống với chị ở bên ngoại cho đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm, quan hệ gì với nhau. Đề nghị tòa án cho chị được ly hôn anh T.

Chị và anh T có 03 con chung là cháu Trịnh Thị Hoài P, sinh năm 1998, cháu Trịnh Thị Thanh V, sinh năm 2002 và cháu Trịnh Thị Phương A, sinh ngày 25/2/2011. Cháu P và cháu V đã trưởng thành. Cháu A hiện đang ở cùng chị. Từ mấy năm trở lại đây, anh T không có một chút trách nhiệm nào với các con. Mọi việc chăm lo cho con cái do chị lo liệu. Bản thân chị là lao động tự do có thu nhập hàng tháng trong khoảng 12 triệu đồng. Do mẹ chị chỉ có một mình chị là con nên đã tạo điều kiện tốt nhất cho chị và các con về chỗ ở và sinh hoạt hàng ngày. Khi ly hôn, chị đề nghị tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu A, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng. Do chị biết anh T không đến tòa án để giải quyết việc ly hôn nên chị xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của bị đơn - anh Trịnh Văn T: Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập, thông báo cho anh T nhiều lần nhưng anh T không đến tòa án làm việc và không có ý kiến gửi tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của con chung: Cháu Trịnh Thị Phương A là con của anh T, chị S có nguyện vọng muốn được ở với mẹ trong trường hợp bố mẹ ly hôn.

Ý kiến của người làm chứng: Chị P có lời khai trình bày: Bố chị là Trịnh Văn T, mẹ là Lê Thị S. Từ khi nhận thức được, chị thấy bố mẹ chị sống với nhau và nuôi dạy 03 chị em chị bình thường. Năm 2017, mẹ chị đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài thì đến năm 2018, thông qua tin nhắn và hình ảnh trong máy điện thoại của bố, chị phát hiện bố chị ngoại tình với người phụ nữ tên là C - bạn đồng ngũ của bố. Chị đã nói chuyện thẳng thắn với bố nhưng không dám nói cho mẹ biết. Một thời gian sau thì mẹ chị cũng biết do anh em, bạn bè thông báo. Trong thời gian mẹ chị đi lao động xuất khẩu thì bố chị chỉ quan tâm chăm sóc cho chị em chị trong một năm đầu, sau đó, mình chị phải đứng ra lo toan, chăm sóc toàn bộ cho các em. Chị có khuyên bảo nhưng bố không thay đổi dẫn đến bố con bất đồng. Khi mẹ chị về nước thì bố mẹ chị xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về làm ăn, kinh tế gia đình và cả do bố chị ngoại tình. Mẹ chị đã khuyên bảo bố chị chấm dứt quan hệ ngoại tình nhưng bố chị không nghe, còn chửi đánh mẹ chị nhiều lần. Trước đây, bố chị cũng đã đòi ly hôn mẹ chị nhưng bản thân chị đã khuyên mẹ không đồng ý. Sau đó, bố chị đã đuổi đánh mẹ con chị nên mẹ con chị đã về ở bên nhà ngoại đến nay đã 03 năm. Trong 03 năm qua, bố mẹ chị không quan tâm, hỏi han nhau. Bố chị cũng không đến thăm gặp hay gọi

điện cho chị em chị. Chị em chị rất sợ bố nên chỉ về bên nội thắp hương mỗi dịp giỗ, tết. Mẹ chị làm đơn xin ly hôn bố, chị có ý kiến ủng hộ mẹ chị để mẹ chị được giải thoát, thoải mái về tinh thần. Chị xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại biên bản xác minh của tòa án, chính quyền cơ sở tại địa phương thôn Q, xã N cho biết: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh T, chị S sống ở thôn Q, xã N. Anh T, chị S sống hạnh phúc đến năm 2018 thì mâu thuẫn cãi vã nhau. Chị S và ba con đã về sống ở thôn Đ, xã N từ 03 năm nay. Chị S, anh T sống ly thân, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Vợ chồng anh T, chị S có 03 con chung, trong đó cháu Trịnh Thị Hoài P và cháu Trịnh Thị Thanh V đã trên 18 tuổi, cháu Trịnh Thị Phương A sinh năm 2011 đang sống cùng chị S. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh T, chị S là khi chị S đi lao động ở nước ngoài, anh T ở nhà có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, khi con cái về ở bên ngoại cũng không quan tâm, thăm gặp, cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, người làm chứng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có mặt khi tòa án triệu tập là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm a. b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử: cho ly hôn giữa chị S và anh T, giao cháu A cho chị S nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, có quyền thăm nom con chung. Chị S phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng đều vắng mặt trong đó, nguyên đơn, người làm chứng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị S: Chị S trình bày chị sinh ngày 02/01/1980 nhưng do sơ suất nên khi đăng ký kết hôn đã ghi nhầm thành 02/01/1978. Căn cứ các giấy tờ do chị S cung cấp như căn cước công dân, bản xác nhận thông tin về cư trú, đơn đề nghị có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã N cần xác định chị S sinh ngày 02/01/1980.

Qua ý kiến của nguyên đơn, người làm chứng và xác minh của tòa án tại chính quyền địa phương, HĐXX xác định anh T, chị S đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, có thời gian chung sống cùng nhau từ năm 1997, sinh được 03 người con và cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc trong một thời gian dài. Đến năm 2018 thì anh T, chị S xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan

điểm trong làm ăn, kinh tế và do anh T ngoại tình, không quan tâm đến con cái. Chị S xin ly hôn, anh T không có ý kiến và không đến tòa án để làm việc cho thấy bản thân anh T, chị S đều không muốn níu kéo quan hệ hôn nhân, không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. HĐXX xác định mâu thuẫn giữa anh T, chị S là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cần chấp nhận yêu cầu của chị S về việc ly hôn với anh T theo quy định tại khoản 1 điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh T, chị S có 03 con chung là cháu Trịnh Thị Hoài P, sinh năm 1998, cháu Trịnh Thị Thanh V, sinh năm 2002 và cháu Trịnh Thị Phương A, sinh ngày 25/2/2011. Cháu P và cháu V đã trưởng thành, tự lập được nên HĐXX không xem xét, giải quyết. Cháu A hiện đang ở cùng chị S và có nguyện vọng ở cùng mẹ trong trường hợp anh T, chị S ly hôn. Xét thấy, chị S có đủ điều kiện để chăm lo cho con chung và việc chị S không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện mặc dù đã được HĐXX giải thích về nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con nên cần giao cho chị S được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu A. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Anh T, chị S không có yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ chung khi ly hôn nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Chị S phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm a. b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trịnh Văn T và chị Lê Thị S.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trịnh Thị Phương A, sinh ngày 25/2/2011 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị S. Khi cần thiết, anh T, chị S có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị S phải nộp 300.000 đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002267 ngày 05/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoa Lư. Chị S đã nộp đủ.

Chị S, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND huyện Hoa Lư;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoa Lư;*
- *UBND xã Ninh Hòa;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Kim Oanh